

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 377/2022/HC-PT
Ngày: 30/8/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà;

Các Thẩm phán: Ông Thái Duy Nhiệm;
Bà Lê Thị Mai.

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nhật Phong - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thúy - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 226/2022/TLPT-HC ngày 13 tháng 6 năm 2022 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính” do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2022/HCPT ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh T.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 7402/2022/QĐ-PT ngày 12 tháng 8 năm 2022, giữa:

1. Người khởi kiện: Ông Trần Văn T2, sinh năm 2000; Cư trú tại Thôn C, xã P, huyện B1, tỉnh V; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T2:

- Ông La Văn T1, sinh năm 1985, Địa chỉ: Thôn C1, xã X, huyện H, tỉnh B2 (theo hợp đồng ủy quyền ngày 12/8/2021); có mặt.

- Ông Nguyễn Hữu B, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn M, xã L, huyện Y, tỉnh B3 (theo giấy ủy quyền ngày 23/02/2022); có mặt.

2. Người bị kiện: Trưởng phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh T; Địa chỉ: Số 599, đường Q, phường P1, thành phố T, tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Công Đ - Phó Trưởng phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh T; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Bùi Anh T3, cán bộ phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh T; Địa chỉ: Số 599, đường Q, phường P1, thành phố T, tỉnh T; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, người khởi kiện trình bày như sau:

Vào hồi 09 giờ 25 phút, ngày 11/8/2021 ông Trần Văn T2 có điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 88A-369.07 di chuyển từ T đi H1 trên Quốc lộ 2. Khi đến Km163+900 thì bị một tổ tuần tra kiểm soát thuộc Trạm Cảnh sát giao thông (CSGT) H2 dừng xe, ông T2 nghiêm chỉnh chấp hành theo hiệu lệnh. Sau khi dừng xe, tổ tuần tra kiểm soát yêu cầu xuất trình giấy tờ để kiểm tra và thông báo ông T2 lỗi chạy quá tốc độ quy định 71/50km/h. Ông T2 xuất trình đầy đủ giấy tờ cho tổ tuần tra kiểm soát kiểm tra, ngoại trừ giấy phép lái xe do quên ở nhà. Bên cạnh đó ông T2 có giải thích khi lưu thông trên đoạn đường mà tổ cảnh sát giao thông đo tốc độ không thấy biển báo khu đông dân cư (R420) và yêu cầu tổ CSGT cho xem chuyên đề đo tốc độ ngày 11/8/2021 hoặc kế hoạch tuần tra kiểm soát, chứng minh lỗi vi phạm trên máy đo tốc độ, xem máy đo là thiết bị nào, tên, chủng loại, số lượng, nguyên tắc vận hành, máy đó có được tích hợp GPS không? Có phải là thiết bị nghiệp vụ được cấp theo Nghị định 165/2013/NĐ-CP không hay lại là hàng giả, hàng nhái? người đo tốc độ là ai? Có biết sử dụng máy để đo tốc độ không? Có giấy chứng nhận cảnh sát tuần tra kiểm soát do cục CSGT cấp không? Tổ tuần tra kiểm soát lấy điện thoại ra để cho ông T2 xem hình ảnh và tuyên truyền, định hướng luật nhưng ông T2 không đồng ý xem hình ảnh trên điện thoại, sau đó có người mang thiết bị đo tốc độ đến nhưng hình ảnh trên máy đo tốc độ mờ mờ không có tọa độ, ngày giờ, nơi được coi là vi phạm hay mốc cố định, những yêu cầu chính đáng còn lại của ông T2 thì tổ CSGT không hợp tác và không đáp ứng.

Tiếp đó, ông Bùi Anh T3 là cán bộ phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh T lập biên bản vi phạm hành chính số 02086/BB-VPHC đối với ông T2, trong biên bản có ghi: “trong thời hạn 02 ngày, ông T2 có thể gửi văn bản giải trình đến ông Đỗ Văn H3 - Trưởng phòng CSGT để thực hiện quyền giải trình” và ông T1 lấy ra một bản Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính số 018503/QĐ-TGTVPTGPCC với phần nội dung để trống, đã có chữ ký của ông Nguyễn Văn C5 - Thượng tá, Phó trưởng phòng kèm con dấu đóng sẵn, sau đó ghi nội dung và giao cho ông T2, ông T2 đã ý kiến và ký nhận biên bản, quyết định.

Đến chiều ngày 11/8/2021 khi đã tìm được Giấy phép lái xe, ông T2 có lưu thông lại tuyến đường tổ Tuần tra kiểm soát đo tốc độ trên Quốc lộ 2 tại Km161-162, thì phát hiện biển báo khu đông dân cư (R420) bị che khuất gần hoàn toàn. Sau đó ông T2 có đến phòng CSGT Công an tỉnh T để bổ sung giấy phép lái xe và yêu cầu nhận lại phương tiện. Lập tức ông T2 nhận được Quyết

định xử phạt số 16969/QĐ-XPHC ngày 11/8/2021 do ông Lê Hữu N ký và có hiệu lực thi hành ngay từ ngày 11/8/2021. Ông T2 đã chấp hành nghĩa vụ phạt tiền và hình phạt bổ sung tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe 03 tháng từ ngày 11/8/2021.

Sau khi nghiên cứu lại Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và các văn bản pháp luật có liên quan, ông T2 nhận thấy việc lập biên bản và ban hành Quyết định xử phạt và Quyết định tạm giữ tang vật phương tiện, quy trình giải quyết thủ tục vi phạm hành chính là không đúng với quy định của pháp luật nên đã ủy quyền cho ông La Văn T1 gửi đơn khiếu nại đến Trưởng phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh T. Sau đó ngày 03/10/2021, ông T2 nhận được Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 929/QĐ-PC08 cùng Thông báo số 930/TB-CSGT của Trưởng phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh T ký ngày 29/9/2021. Nội dung quyết định giải quyết khiếu nại khẳng định khiếu nại sai toàn bộ là không đúng sự thật. Đề nghị HĐXX xem xét hủy:

- + Quyết định số 16969/QĐ-XPHC ngày 11/8/2021 của Trưởng phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh T về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Trần Văn T2;

- + Quyết định số 018503/QĐ-TGTVPTGPCC ngày 11/8/2021 của Trưởng phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh T về việc tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính;

- + Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 929/QĐ-PC08 ngày 29/9/2021 của Trưởng phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh T.

Đại diện theo ủy quyền của Người bị kiện trình bày:

Việc lập Biên bản vi phạm hành chính số 020856/BB-VPHC, quyền số 835, ngày 11/8/2021 đối với ông Trần Văn T2:

Hồi 09 giờ 25 phút, ngày 11/8/2021 tại Km162, Quốc lộ số 2 (khu vực đông dân cư có biển báo R.420) thôn L1, xã T5, huyện H2, tỉnh T, đồng chí Thượng úy Nguyễn Chí D, cán bộ Trạm CSGT H2 thuộc Phòng CSGT Công an tỉnh T, số hiệu CAND 253-989 (đ/c Nguyễn Chí D đã được tập huấn và cấp Giấy chứng nhận Cảnh sát tuần tra, kiểm soát giao thông, có giá trị đến 06/9/2022) sử dụng phương tiện đo kiểm tra tốc độ phương tiện giao thông (máy đo tốc độ có ghi hình ảnh), nhãn hiệu TruSpeed SXBCF, số TJ 006084 do Bộ Công an cấp và được Viện đo lường Việt Nam kiểm định, cấp Giấy chứng nhận kiểm định số V08.KĐ.346.20, ngày 27/5/2020 đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường, số tem kiểm định 19A 08618, thời hạn kiểm định đến 31/5/2022 để kiểm soát tốc độ phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và đã ghi nhận phương tiện xe ô tô con biển số 88A-369.07 đi theo hướng H3 - H1 chạy quá tốc độ quy định trong khu vực đông dân cư, tốc độ đo được là 71Km/h/50Km/h, đồng chí Nguyễn Chí D đã thông báo cho Tổ công tác tại Km163+900 quốc lộ 2, thuộc thôn Ao Vệ, xã T5, huyện H2, tỉnh T (trước cổng Trạm CSGT) dừng phương tiện xe ô tô con

biển số 88A-369.07 để kiểm tra, xử lý theo quy định. Sau khi nhận thông báo của đồng chí Nguyễn Chí D, Tổ công tác do đồng chí Thiếu tá Hứa Tiến P3 - cán bộ Trạm CSGT H2 là Tổ trưởng đã ra hiệu lệnh dừng xe ô tô biển số 88A-369.07 và thông báo lỗi vi phạm cho người điều khiển phương tiện biết, yêu cầu người điều khiển xuất trình giấy tờ liên quan đến người và phương tiện theo quy định. Người điều khiển xe ô tô biển số 88A-369.07 là ông Trần Văn T2, sinh ngày 07/8/2000, trú tại thôn C, xã P, huyện B1, tỉnh V đã chấp hành và xuất trình toàn bộ giấy tờ phương tiện, nhưng không xuất trình được Giấy phép lái xe, Tổ công tác đã mời ông T2 vào làm việc.

Đối chiếu các quy định của pháp luật hiện hành và hình ảnh vi phạm của xe ô tô biển số 88A-369.07 do ông Trần Văn T2 điều khiển chạy quá tốc độ 71Km/h/50Km/h là đầy đủ, rõ nét, có hiển thị cụ thể ngày, giờ, địa điểm vi phạm, tọa độ. Đồng chí Đại úy Bùi Anh T3, cán bộ Trạm CSGT H2 đã tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính về hành vi vi phạm đối với ông Trần Văn T2: Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định trên 20km/h đến 35km/h (71km/h/50km/h) và không có Giấy phép lái xe, việc lập biên bản là đúng quy định của pháp luật. Bản thân ông Trần Văn T2 đã ghi vào biên bản vi phạm hành chính, phần ý kiến của người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm là “đúng lỗi vi phạm không có giấy phép lái xe và chạy quá tốc độ” và ký tên vào biên bản mà không có ý kiến gì khác.

Việc ra Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính số 018503/QĐ-TGTVPTGPCC ngày 11/8/2021:

Trong quá trình xử lý vi phạm hành chính, do ông Trần Văn T2 không xuất trình được Giấy phép lái xe. Căn cứ Điều 125 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Điều 82 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt; điểm a khoản 2 Điều 20 Thông tư số 65/2020/TT-BCA ngày 19/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an Quy định nhiệm vụ, quyền hạn, hình thức, nội dung và quy trình tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm hành chính về giao thông đường bộ của Cảnh sát giao thông: “để ngăn chặn ngay hành vi vi phạm” đồng chí Thiếu tá Hứa Tiến P3, cán bộ Trạm CSGT H2, Tổ trưởng tổ công tác đã trực tiếp báo cáo, đề xuất tới: Thượng tá Nguyễn Văn C5, Phó Trưởng phòng CSGT Công an tỉnh T - phụ trách Trạm CSGT H2 ký Quyết định tạm giữ xe ô tô biển số 88A-369.07 theo quy định.

Việc ra Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính số 018503/QĐ-TGTVPTGPCC ngày 11/8/2021 đối với ông Trần Văn T2 do tôi (Thượng tá Nguyễn Văn C5, Phó Trưởng phòng CSGT Công an tỉnh T) thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, theo các căn cứ sau:

- Quyết định giao quyền số 01/QĐ-GQXP, ngày 01/01/2021 của Trưởng phòng CSGT Công an tỉnh T về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính.

- Điều 125 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

- Điều 82 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt.

Việc ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 16969/QĐ-XPHC ngày 11/8/2021 đối với ông Trần Văn T2:

Đồng chí Thượng tá Lê Hữu N, Phó Trưởng phòng CSGT Công an tỉnh T được ủy quyền ký các Quyết định xử lý vi phạm hành chính theo Quyết định giao quyền số 02/QĐ-GQXP, ngày 01/01/2021 của Trưởng phòng CSGT Công an tỉnh T về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính. Đồng chí Thượng tá Lê Hữu N, Phó Trưởng phòng đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 16969/QĐ-XPHC ngày 11/8/2021 đối với ông Trần Văn T2 về hành vi: Người điều khiển ô tô, máy kéo và các loại xe tương tự ô tô không mang theo Giấy phép lái xe; Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định trên 20Km/h đến 35Km/h là đúng theo quy định của pháp luật. Theo các căn cứ sau:

- Căn cứ hồ sơ xử lý vi phạm hành chính ngày 11/8/2021 của ông Trần Văn T2, sinh ngày 07/8/2000, có địa chỉ thôn C, xã P, huyện B1, tỉnh V đã có hành vi vi phạm: Điều khiển xe ô tô biển số 88A-369.07 chạy quá tốc độ quy định trên 20km/h đến 35km/h (71km/h/50km/h); không có Giấy phép lái xe (khi đến Phòng CSGT để xử lý vi phạm ông Trần Văn T2 đã xuất trình được Giấy phép lái xe vì vậy không xử lý về hành vi không có Giấy phép lái xe mà xử lý về hành vi không mang theo Giấy phép lái xe). Hình ảnh vi phạm của ông Trần Văn T2 được thể hiện đầy đủ, rõ nét, vị trí, tọa độ, điểm đo tốc độ rõ ràng, bản thân ông Trần Văn T2 đã ghi vào Biên bản vi phạm hành chính số 020856/BB-VPHC, quyển số 835, ngày 11/8/2021, phần ý kiến của người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm là “đúng lỗi vi phạm không có giấy phép lái xe và chạy quá tốc độ” và ký tên vào biên bản mà không có ý kiến gì khác.

- Căn cứ khoản 1 Điều 61 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định “Đối với hành vi vi phạm hành chính mà pháp luật quy định áp dụng hình thức xử phạt tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc áp dụng mức phạt tiền tối đa của khung tiền phạt đối với hành vi đó từ 15.000.000 đồng trở lên đối với cá nhân, từ 30.000.000 đồng trở lên đối với tổ chức thì cá nhân, tổ chức vi phạm có quyền giải trình trực tiếp hoặc bằng văn bản với người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính. Người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm xem xét ý kiến giải trình của cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính trước khi ra quyết định xử phạt, trừ trường hợp cá nhân, tổ chức không có yêu cầu giải trình trong thời hạn quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này”. Ông Trần Văn T2 đã có văn bản không yêu cầu giải trình về hành vi vi phạm của mình và công nhận hành vi vi phạm của mình là đúng, rõ ràng, cụ thể, đồng thời đề nghị Phòng Cảnh sát giao thông ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính ngay trước khi hết thời hạn giải

trình theo quy định của pháp luật (Ngày 24/9/2021, Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh T đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 924/QĐ-PC08 về trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký tại Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T. Đến ngày 28/9/2021, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T có kết luận giám định số 854/GĐ-KTHS, kết luận về đối tượng giám định: Chữ viết, chữ ký ghi tên Trần Văn T2 trên mẫu là do cùng một người viết).

Về việc giải quyết khiếu nại:

Ngày 24/8/2021, Phòng Cảnh sát giao thông (CSGT) Công an tỉnh T nhận được đơn đề ngày 16/8/2021, kèm theo hợp đồng ủy quyền ngày 12/8/2021 và tài liệu liên quan kèm theo (bản photo). Đơn ghi tên ông La Văn T1, người được ủy quyền khiếu nại, địa chỉ: thôn C1, xã X, huyện H, tỉnh B2, với nội dung khiếu nại các Quyết định hành chính của Phòng CSGT Công an tỉnh T đối với ông Trần Văn T2, địa chỉ: thôn C, xã P, huyện B1, tỉnh V về hành vi vi phạm: Điều khiển xe ô tô biển số 88A-369.07 chạy quá tốc độ quy định trên 20km/h đến 35km/h (71km/h/50km/h), không mang theo Giấy phép lái xe. Sau khi tiếp nhận đơn khiếu nại của ông La Văn T1, người được ủy quyền khiếu nại. Phòng CSGT Công an tỉnh T đã tiến hành giải quyết đơn khiếu nại theo quy định của pháp luật và đã ban hành Quyết định số 929/QĐ-PC08 ngày 29/9/2021 của Trưởng phòng CSGT về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu); Thông báo số 930/TB-CSGT ngày 29/9/2021 của Trưởng phòng CSGT về thông báo về việc giải quyết khiếu nại.

Việc khởi kiện của ông Trần Văn T2 đối với Trưởng phòng CSGT Công an tỉnh T theo nội dung Thông báo số 55/2021/TLST-HC ngày 08/11/2021 của Tòa án Nhân dân tỉnh T là không có căn cứ.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Anh T3 trình bày:*

Hồi 08 giờ 00 phút, ngày 11/8/2021 Tổ tuần tra, kiểm soát Trạm CSGT H2, thuộc Phòng CSGT Công an tỉnh T tiến hành phân công lực lượng, tổ chức tuần tra, kiểm soát tại Km162, Km163+900 quốc lộ 2, thuộc xã T5, huyện H2, tỉnh T; thời gian thực hiện từ 08 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút, ngày 11/8/2021 theo Kế hoạch số 696/KH-PC08 ngày 01/8/2021 của Trưởng phòng CSGT Công an tỉnh T về tổ chức tuần tra, kiểm soát và xử lý vi phạm, bảo đảm trật tự, an toàn giao thông tháng 8 năm 2021; Kế hoạch công tác tuần của Trạm CSGT H2, thuộc Phòng CSGT Công an tỉnh T ngày 09/8/2021 được lãnh đạo đơn vị phê duyệt; Kế hoạch và nhật ký tuần tra, kiểm soát giao thông đường bộ của Trạm trưởng Trạm CSGT H2, Phòng CSGT. Tổ công tác gồm: (1) Đ/c Hứa Tiến P3 - Tổ trưởng, (2) Đ/c Hoàng Hải H6 - Tổ viên, (3) Đ/c Nguyễn Thành L4 - Tổ viên, (4) Đ/c Nguyễn Chí D - Tổ viên và (5) Đ/c Bùi Anh T3 - Tổ viên. Đ/c Nguyễn Chí D - Tổ viên, nhiệm vụ: Mặc thường phục, sử dụng máy đo tốc độ tại vị trí Km162 Quốc lộ số 2, thuộc thôn L1, xã T5, huyện H2, tỉnh T (trong khu vực đông dân cư có biển báo R.420).

Nội dung vi phạm: Hồi 09 giờ 25 phút, ngày 11/8/2021 tại Km162, quốc lộ số 2 (khu vực đông dân cư có biển báo R.420) thôn L1, xã T5, huyện H2, tỉnh T, đồng chí Thượng úy Nguyễn Chí D, cán bộ Trạm CSGT H2 thuộc Phòng CSGT Công an tỉnh T, số hiệu CAND 253-989 (đ/c Nguyễn Chí D đã được tập huấn và cấp Giấy chứng nhận Cảnh sát tuần tra, kiểm soát giao thông, có giá trị đến 06/9/2022) sử dụng phương tiện đo kiểm tra tốc độ phương tiện giao thông (máy đo tốc độ có ghi hình ảnh), nhãn hiệu TruSpeed SXBCF, số TJ 006084 do Bộ Công an cấp và được Viện đo lường Việt Nam kiểm định, cấp giấy chứng nhận kiểm định số V08.KĐ.346.20, ngày 27/5/2020 đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường, số tem kiểm định 19A 08618, thời hạn kiểm định đến 31/5/2022 để kiểm soát tốc độ phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và đã ghi nhận phương tiện xe ô tô con biển số 88A-369.07 đi theo hướng H3 - H1 chạy quá tốc độ quy định trong khu vực đông dân cư, tốc độ đo được là 71Km/h/50Km/h, đồng chí Nguyễn Chí D đã thông báo cho Tổ công tác tại Km163+900 quốc lộ 2, thuộc thôn Ao Vệ, xã T5, huyện H2, tỉnh T (trước cổng Trạm CSGT) dừng phương tiện xe ô tô con biển số 88A-369.07 để kiểm tra, xử lý theo quy định. Sau khi nhận thông báo của đồng chí Nguyễn Chí D, Tổ công tác do đồng chí Thiếu tá Hứa Tiến P3, cán bộ Trạm CSGT H2, Tổ trưởng đã ra hiệu lệnh dừng xe ô tô biển số 88A-369.07 và thông báo lỗi vi phạm cho người điều khiển phương tiện biết, yêu cầu người điều khiển xuất trình giấy tờ liên quan đến người và phương tiện theo quy định. Sau khi kiểm tra các giấy tờ liên quan đồng chí Hứa Tiến P3 đã mời người vi phạm vào bàn làm việc để ông lập biên bản vi phạm hành chính, đồng thời thông báo cho ông biết người điều khiển không xuất trình được Giấy phép lái xe. Tại đây, người điều khiển xe ô tô con biển số 88A-369.07 tự khai là Trần Văn T2, sinh ngày 07/8/2000, trú tại thôn C, xã P, huyện B1, tỉnh V đã thừa nhận hành vi vi phạm của mình là: Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định trên 20km/h đến 35km/h (71km/h/50km/h); không có Giấy phép lái xe tại thời điểm được kiểm tra.

Đối chiếu các quy định của pháp luật hiện hành và hình ảnh vi phạm của xe ô tô biển số 88A-369.07 do Trần Văn T2 điều khiển chạy quá tốc độ 71Km/h/50Km/h là đầy đủ, rõ nét, có hiển thị cụ thể ngày, giờ, địa điểm vi phạm, tọa độ. Ông đã tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính về hành vi vi phạm đối với ông Trần Văn T2: Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định trên 20km/h đến 35km/h (71km/h/50km/h) và không có Giấy phép lái xe, việc lập biên bản là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trong quá trình lập biên bản ông Trần Văn T2 có xin ông xem xét xử lý lỗi vi phạm và có gọi điện cho người thân để trợ giúp; sau nhiều lần giải thích, tuyên truyền bản thân ông T2 đã chấp hành ký biên bản và đã ghi vào biên bản vi phạm hành chính, phần ý kiến của người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm là “đúng lỗi vi phạm không có giấy phép lái xe và chạy quá tốc độ” và ký tên vào biên bản mà không có ý kiến khác.

Trong quá trình xử lý vi phạm hành chính, do ông Trần Văn T2 không xuất trình được Giấy phép lái xe; căn cứ Điều 125 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm

2012; Điều 82 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt; điểm a khoản 2 Điều 20 Thông tư số 65/2020/TT-BCA ngày 19/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an Quy định nhiệm vụ, quyền hạn, hình thức, nội dung và quy trình tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm hành chính về giao thông đường bộ của Cảnh sát giao thông: “để ngăn chặn ngay hành vi vi phạm” đồng chí Thiếu tá Hứa Tiến P3, cán bộ Trạm CSGT H2, Tổ trưởng tổ công tác đã trực tiếp báo cáo, đề xuất đồng chí Thượng tá Nguyễn Văn C5, Phó Trưởng phòng CSGT Công an tỉnh T – phụ trách Trạm CSGT H2 ký Quyết định tạm giữ xe ô tô biển số 88A-369.07 theo quy định.

Việc khởi kiện của ông Trần Văn T2 đối với Trưởng phòng CSGT Công an tỉnh T theo nội dung Thông báo số 55/2021/TLST-HC ngày 08/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh T là không có căn cứ.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2022/HCPT ngày 25 tháng 02 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh T đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 29; Điều 30; Điều 32; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 116; Điều 191; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194; Điều 206; Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; khoản 4, Điều 39; Điều 57; Điều 68; Điều 125 Luật Xử lý vi phạm hành chính; Điều 11 Luật Giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt; Điều 19, Điều 27, Điều 31 Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng về án phí, lệ phí của Tòa án.

Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T2 về các yêu cầu sau:

- Tuyên hủy Quyết định số 16969/QĐ-XPHC ngày 11/8/2021 của Trưởng phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh T về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Trần Văn T2;

- Tuyên hủy Quyết định số 018503/QĐ-TGTVPTGPCC ngày 11/8/2021 của Trưởng phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh T về việc tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính;

- Tuyên hủy Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 929/QĐ-PC08 ngày 29/9/2021 của Trưởng phòng CSGT Công an tỉnh T.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 28/02/2022, người khởi kiện là ông Trần Văn T2 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:

Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính số 018503/QĐ-TGTVPTGPCC, Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 16969/QĐ-XPHC, Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 929/QĐ-PC08 là nằm trong thời hiệu, thời hạn theo quy định của pháp luật, Tòa án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông T2 là đúng quy định. Tại cấp phúc thẩm, người khởi kiện không cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ gì mới chứng minh cho nội dung khiếu nại là đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 06/10/2021, ông Trần Văn T2 gửi đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính số 018503/QĐ-TGTVPTGPCC, Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 16969/QĐ-XPHC ngày 11/8/2021 đối với ông Trần Văn T2 và Quyết định số 929/QĐ-PC08 về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) không chấp nhận khiếu nại của ông La Văn T1. Tòa án nhân dân tỉnh T thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo khoản 2 Điều 3, Điều 30 và Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

Bản án sơ thẩm xác định về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, về quyết định hành chính liên quan, về tư cách đương sự đúng quy định pháp luật. Việc chứng minh, thu thập chứng cứ đã được thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định tại chương VI Luật Tố tụng hành chính; Đơn kháng cáo của người khởi kiện trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét tính hợp pháp của quyết định hành chính bị khiếu kiện:

[2.1]. Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền:

Thực hiện Kế hoạch số 696/KH-PC08 ngày 01/8/2021 của Trưởng phòng CSGT Công an tỉnh T về tổ chức tuần tra, kiểm soát và xử lý vi phạm, bảo đảm trật tự, an toàn giao thông tháng 8 năm 2021; Kế hoạch công tác tuần ngày 09/8/2021 của Trạm CSGT H2 thuộc Phòng CSGT Công an tỉnh T, Tổ công tác của Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh T thực hiện nhiệm vụ tại Km162, Km163+900 Quốc lộ 2, xã T5, huyện H2, tỉnh T. Quá trình thực hiện việc kiểm tra tốc độ các phương tiện tham gia giao thông bằng kết quả sử dụng máy đo tốc độ có ghi hình ảnh ngày 11/8/2021, Tổ tuần tra kiểm soát của Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh T đã ghi nhận ông Trần Văn T2, sinh ngày 07/8/2000, có địa chỉ thôn C, xã P, huyện B1, tỉnh V điều khiển xe ô tô biển số 88A-369.07 vi phạm: “Chạy quá tốc độ quy định trên 20km/h đến 35km/h (71km/h/50km/h) tại địa điểm Km 162, Km163+900 Quốc lộ 2, thuộc thôn Ao Vệ, xã T5, huyện

H2, tỉnh T. Ngoài ra, khi kiểm tra giấy tờ xe ô tô biển số 88A-369.07 do ông T2 điều khiển phát hiện thêm lỗi: “Không có Giấy phép lái xe”. Do đó, Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh T đã lập Biên bản vi phạm hành chính số 02086/BB-VPHC ngày 11/8/2021, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh T ban hành Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính số 018503/QĐ-TGTVPTGPCC ngày 11/8/2021 và Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 16969/QĐ-XPHC ngày 11/8/2021 là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định tại khoản 4, Điều 39, Điều 54; Điều 57; Điều 58; Điều 68; khoản 3 Điều 125 Luật Xử lý vi phạm hành chính, Điều 80, 82 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt.

Không đồng ý với các quyết định trên, ông La Văn T1 là người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn T2 đã làm đơn khiếu nại. Ngày 29/9/2021, Trưởng phòng CSGT Công an tỉnh T đã ban hành Quyết định số 929/QĐ-PC08 về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) và Thông báo giải quyết khiếu nại số 930/TB-CSGT về việc giải quyết khiếu nại là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Điều 19, Điều 27, Điều 31 Luật Khiếu nại năm 2011.

[2.2]. Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính số 018503/QĐ-TGTVPTGPCC, Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 16969/QĐ-XPHC, Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 929/QĐ-PC08 được ban hành là nằm trong thời hiệu, thời hạn theo quy định của Điều 66, Điều 125 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, Điều 31 Luật Khiếu nại năm 2011.

[2.3]. Về hình thức: Ông Nguyễn Văn C5 - Phó Trưởng phòng Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh T ban hành Quyết định số 018503/QĐ-TGTVPTGPCC về việc tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính; ông Lê Hữu N - Phó Trưởng phòng Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh T ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 16969/QĐ-XPHC là đúng theo Thông tư số 07/2019/TT-BCA ngày 20/3/2019 của Bộ Công an quy định về các biểu mẫu sử dụng để xử phạt vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền của Công an nhân dân; ông Đỗ Văn H3 - Trưởng phòng Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh T ban hành Quyết định số 929/QĐ-PC08 ngày 29/9/2021 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu là đúng quy định tại Điều 31 Luật Khiếu nại năm 2011.

[3]. Về nội dung: Theo quy định khoản 1 Điều 11 Luật Giao thông đường bộ quy định: “*Người tham gia giao thông phải chấp hành hiệu lệnh và chỉ dẫn của hệ thống báo hiệu đường bộ*”.

[3.1]. Về biển báo, hiệu lực của biển báo: Căn cứ Mục D.17 Phụ lục D, Điều 20.2, Quy chuẩn 41:2016/BGTVT; Thông tư số 91/2015/TT-BGTVT; Mục 5 phụ lục ban hành kèm theo Công văn 8484/BGTVT- KHCN ngày 31/7/2017 của Bộ Giao thông vận tải, có căn cứ xác định biển báo “*Khu đông*

dân cư” trước Km162 là biển báo hợp pháp, hợp quy chuẩn, đã và đang có hiệu lực thi hành. Việc ông T2 cho rằng biển báo bị che khuất dẫn đến ông T2 không thể quan sát và chạy quá tốc độ cho phép là không có căn cứ.

[3.2]. Về thiết bị đo tốc độ, hình ảnh vi phạm: Qua kiểm tra hình ảnh đo tốc độ do máy đo kiểm tra tốc độ phương tiện giao thông (máy đo tốc độ có ghi hình ảnh), và giấy chứng nhận kiểm định số V08.KĐ.346.20, ngày 27/5/2020 nhãn hiệu TruSpeed SXBCF, số TJ 006084 do Bộ Công an cấp và được Viện đo lường Việt Nam kiểm định đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường, số tem kiểm định 19A 08618, thời hạn kiểm định đến 31/5/2022, sử dụng để bắn tốc độ làm cơ sở lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông Trần Văn T2 vào ngày 11/8/2021, là còn trong thời hạn kiểm định theo quy định. Hình ảnh phương tiện vi phạm dùng làm căn cứ xử phạt vi phạm hành chính có đầy đủ thông tin ngày, giờ, kinh độ, vĩ độ, tốc độ xe chạy, biển số xe ô tô vi phạm 88A-369.07 do ông Trần Văn T2 điều khiển.

Ngoài ra, khi kiểm tra giấy tờ xe ô tô biển số 88A-369.07 do ông T2 điều khiển phát hiện thêm lỗi: “không có Giấy phép lái xe”. Do đó, Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh T đã lập biên bản vi phạm hành chính số 02086/BB-VPHC ngày 11/8/2021 đối với ông T2, ông T2 cũng đã ký xác nhận nên đủ cơ sở xác định ông T2 có hành vi vi phạm hành chính theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 5, điểm b khoản 8 Điều 21 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt. Ông Trần Văn T2 đã ghi vào biên bản vi phạm hành chính, phần ý kiến của người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm là “đúng lỗi vi phạm không có giấy phép lái xe và chạy quá tốc độ” và ký tên vào biên bản.

[3.3]. Quá trình giải quyết vụ án, ông La Văn T1 là người đại diện theo ủy quyền của ông T2 xác định việc ông T2 không được ký vào biên bản trình bày ý kiến của người vi phạm hành chính về việc không yêu cầu giải trình vi phạm ngày 11/8/2021. Tại Kết luận giám định số 854/GĐ-KTHS ngày 28/9/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T đã kết luận: “Chữ viết, chữ ký ghi tên Trần Văn T2 trên mẫu căn giám định ký hiệu A với chữ viết tại mục “Ý kiến của người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm”, chữ ký dạng chữ viết “Thìn”, chữ viết ghi tên Trần Văn T2 dưới mục “NGƯỜI (HOẶC ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC) VI PHẠM” trên mẫu so sánh ký hiệu M1; chữ viết tại mục “Ý kiến của cá nhân/ đại diện tổ chức vi phạm (nếu có)”, chữ ký, chữ viết ghi tên Trần Văn T2 dưới mục “NGƯỜI HOẶC ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC VI PHẠM” trên mẫu so sánh ký hiệu M2; chữ viết, chữ ký ghi tên Trần Văn T2 trên mẫu so sánh ký hiệu M3 là do cùng một người viết và ký.” (BL78,79). Do đó, việc cho rằng ông T2 không được ký vào biên bản trình bày ý kiến là không có cơ sở.

Căn cứ Điều 125 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành

chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt, Phó Trưởng phòng CSGT Công an tỉnh T đã ban hành Quyết định tạm giữ xe ô tô biển số 88A-369.07 đối với ông Trần Văn T2 và Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 16969/QĐ-XPHC ngày 11/8/2021 đối với ông Trần Văn T2 về hành vi: Người điều khiển ô tô, máy kéo và các loại xe tương tự ô tô không mang theo Giấy phép lái xe (do khi đến Phòng CSGT để xử lý vi phạm do ông T2 đã xuất trình được Giấy phép lái xe vì vậy ông T2 không bị xử lý về hành vi không có Giấy phép lái xe mà xử lý về hành vi không mang theo Giấy phép lái xe); Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định trên 20Km/h đến 35Km/h.

Theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 5 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt quy định: “*Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định trên 20km/h đến 35km/h*”.

Tại điểm a khoản 3 Điều 21 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP quy định: “*Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 400.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Người điều khiển xe ô tô, máy kéo và các loại xe tương tự xe ô tô không mang theo Giấy phép lái xe...*”;

Căn cứ biên bản vi phạm hành chính và các căn cứ pháp luật nêu trên, Phó Trưởng phòng CSGT Công an tỉnh T đã ban hành Quyết định xử phạt hành chính về hành vi điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định trên 20 km/h đến 35 km/h và lỗi không mang theo Giấy phép lái xe và với số tiền phạt chung là 7.300.000 đồng là có căn cứ.

Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 929/QĐ-PC08 ngày 11/8/2021 của Trưởng phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh T xác định hành vi vi phạm hành chính của ông T2 là trái pháp luật nên đã không chấp nhận khiếu nại của ông T2 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy Tòa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu hủy các quyết định hành chính nêu trên của ông Trần Văn T2 là có căn cứ. Do đó Hội đồng xét xử đồng tình với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn T2.

[4]. Về án phí: Ông Trần Văn T2 kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Từ nhận định trên, căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Trần Văn T2; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2022/HCPT ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh T.

2. Về án phí: Ông Trần Văn T2 phải chịu 300.000đ án phí hành chính phúc thẩm; ghi nhận ông T2 đã nộp tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0005182 ngày 10/3/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh T.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực ngay sau khi tuyên án.

*** Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh T;
- VKSND tỉnh T;
- Cục THADS tỉnh T;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Thị Thu Hà